Ngày soạn:…/…/…

Ngày dạy:…/…/…

# BÀI 28: SỐ THẬP PHÂN

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Nhận biết được phân số thập phân (dương, âm), cách viết phân số thập phân dưới dạng số thập phân.

- Nhận biết được số đối của một số thập phân.

**2. Kĩ năng và năng lực:**

**a. Kĩ năng:** Kĩ năng tính toán, kĩ năng đọc hiểu, tổng hợp, tư duy toán học.

**b. Năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán

- Năng lực riêng:

+ Viết được phân số thập phân dưới dạng số thập phân và ngược lại.

+ Đọc được số thập phân.

+ Tìm được số đối của một số thập phân đã cho.

+ So sánh được hai số thập phân đã cho.

**3. Phẩm chất:** Rèn luyện thói quen tự học, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng hứng thú học tập cho HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Đối với giáo viên:** Đối với giáo viên: Sưu tầm trên mạng các đoạn tin, văn bản có xuất hiện số thập phân ám ở nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống; máy tính cá nhân kết nối ti vi hoặc máy chiếu (nếu có điều kiện);

**2. Đối với học sinh:** Ôn lại cách chia một số tự nhiên cho 10; 100; 1 000,... và cách viết một phân số thập phân (dương) dưới dạng số thập phân đã học ở Tiểu học. Xem lại khái niệm số đối của một phân số (Chương VI) và so sánh hai số nguyên (Chương III).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề, HS trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS lắng nghe và tiếp thu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

*Gv trình bày vấn đề*: GV cho hs đọc 2 đoạn trích, giới thiệu thêm các hình ảnh, thông tin khác về số thập phân được sử dụng rộng rãi trong đời sống hàng ngày.



**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:**

**Hoạt động 1: Phân số thập phân và số thập phân**

**a. Mục tiêu**:

- Nắm được phân số thập phân và số thập phân âm, số đối của một số thập phân.

- Nêu được mối quan hệ giữa phân số thập phân và số thập phân , cấu tạo số thập phân.

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + HĐ1: GV nhắc lại cách chia một số tự thập nhiên cho 10; 100; 1000; ... bằng những ví cụ thể (không cần phát biểu quy tắc) và cho HS thực hiện HĐ1.  + HĐ2: GV yêu cầu HS tìm nhắc lại định nghĩa số đối của một số và a số cách tìm số đối của một phân số (trang 16, SGK Toán 6 tập hai) qua những ví dụ cụ thể và thực hiện HĐ2.  + GV giới thiệu phân số thập phân và số thập phân âm, số đối của số thập phân  + GV kết hợp giảng và tổ chức cho HS hoạt động, bổ sung thêm ví dụ nhằm giúp HS nhận biết khái niệm.  + GV đưa ra 2 ví dụ để hs thấy rõ cách chuyển từ dạng phân số thập phân sang dạng số thập phân và ngược lại.  + Câu hỏi: Gv kiểm tra kĩ năng nhận biết số thập phân, tìm số đối của một số thập phân  + LT1: GV gọi hs lên bảng làm  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **HĐ1:**  = 1,7 ; = 0,34  = 0,25  **HĐ2:**  Số đối của 1,7 là -1,7  Số đối của 0,34 là -0,34  Số đối của 0,25 là -0,25  **Câu hỏi:**  Các số thập phân suất hiện trong hình 7.1 a là  29,96; 14,26 ; 7,5 ; 3,4.  Các số thập phân suất hiện trong hình 7.1 b là  -4,2 ; -2,4  **LT1:**  1 .  = -0,005  = -79,8  2 . (-4,2) =  -2,4 = | |

**Hoạt động 2: So sánh hai phân số bằng nhau**

**a. Mục tiêu**:

- Trình bày cách so sánh hai số thập phân khác dấu và so sánh hai phân số thập phân.

- Luyện tập sử dụng quy tắc so sánh.

**b. Nội dung:** Đọc thông tin sgk, nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + GV yêu cầu hs nhắc lại cách so sánh hai số nguyên khác dấu, cách so sánh hai số nguyên âm trước khi cho HS ghi cách so sánh hai số thập phân khác dấu và so sánh hai phân số thập phân  + GV nhấn mạnh, HS nắm vững cách so sánh hai số thập phân dương và đọc ví dụ sgk.  + Gv gọi 1 hs đứng tại chỗ trả lời luyện tập 2, cả lớp nhận xét  + HS làm vận dụng tại lớp. GV nhận xét và chữa  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ, trao đổi, thảo luận.  + GV quan sát HS hoạt động, hỗ trợ khi HS cần  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV gọi HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.  + GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, chuyển sang nội dung mới | **LT2:**  Thứ tự từ bé đến lớn là :  -8,9; -8,152; -8; 0; 0,12.  **VD:**  Vì -2,4 > -4,2 nên thời điểm 19 giờ ngày 24-1-2016 lớn hơn thời điểm 6 giờ ngày 25-1-2016. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời* bài tập 7.1; 7.2; 7.3b thông qua việc tổ chức trò chơi: “con số may mắn”

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 7.1:**  a. Viết các phân số thập phân sau dưới dạng số thập phân  ; ; ;  b. Chỉ ra các  số thập phân âm viết được trong câu a.  **Câu 7.2:** Tìm số đối của các số thập phân sau : -1,2 ; 4,15 ; 19,2.  Câu 7.3: So sánh các số:  b) -7,52 và -7,6 | **Câu 7.1:**  a. = 2,1 ;  = -3,5;  = -1,25 ;  = -0,089  b. Các  số thập phân âm viết được trong câu a là : -3,5;   -1,25;    -0,089.  **Câu 7.2:** Số đổi của -1,2  là 1,2;  Số đổi của -4,15 là -4,15;  Số đối của 19,2 là -19,2.  Câu 7.3 : -7,52 > -7,6 (vì 7,52 < 7,6) |

*- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

**b. Nội dung:** Nghe giáo viên hướng dẫn, học sinh thảo luận, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi*: HS làm bài tập 7.4

**-** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 7.4:** Nhiệt độ đông đặc của một chất là nhiệt độ mà tại đó chất chuyển từ thể lỏng sang thể răn .Nhiệt độ đông đặc của rượu ,nước và thủy ngân lần lượt là :-117oC; 0oC; -38,83 oC.  Hãy sắp xếp nhiệt độ đông đặc cảu ba chất này theo thứ tự từ nhỏ đến lớn | **Câu 7.4:**  Vì -117 < -38,83 < 0 nên nhiệt độ của ba chất theo thứ tự từ nhỏ đến lớn là :  rượu < thủy ngân < nước . |

*- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| Sự tích cực, chủ động của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập | Vấn đáp, kiểm tra miệng | Phiếu quan sát trong giờ học |  |
| Sự hứng thú, tự tin khi tham gia bài học | Kiểm tra viết | Thang đo, bảng kiểm |  |
| Thông qua nhiệm vụ học tập, rèn luyện nhóm, hoạt động tập thể,… | Kiểm tra thực hành | Hồ sơ học tập, phiếu học tập, các loại câu hỏi vấn đáp |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*